|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT THẠCH THẤT **NHÓM CNNN** -------------------- | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I** MÔN: **CÔNG NGHỆ - LỚP 12** |

**Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn:**

***Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh trọn một phương án. (0,25đ/câu).***

**Câu 1.** Vai trò quan trọng nhất của rừng phòng hộ đầu nguồn là:

A. cung cấp gỗ nguyên liệu cho ngành sản xuất giấy.

B. tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương.

C. giữ đất, giữ nước, ngăn lũ, điều hoà dòng chảy, chống xói mòn.

D. cung cấp nhiều cây thuốc quý để sản xuất thuốc nam.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về một số nguyên nhân chủ yếu gây suy thoái tài nguyên rừng?

A. Hoạt động khai thác gỗ với cường độ nhỏ hơn khả năng tăng trưởng của rừng đã làm nhiều khu vực rừng trở nên nghèo kiệt, không thể phục hồi.

B. Chặt phá rừng để lấy củi đốt không tác động đến các hệ sinh thái tài nguyên rừng.

C. Săn bắn các loại động vật rừng hoang dã không ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái rừng.

D. Khai thác trái phép, quá mức gỗ và các loại lâm sản ngoài đã làm cho nhiều hệ sinh thái bị suy giảm nghiêm trọng.

**Câu 3.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng kiểm soát suy thoái động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm?

A. Giao, cho thuê và thu hồi rừng, đất trồng rừng.

B. Khuyến khích nuôi các loài động vật quý hiếm để làm cảnh.

C. Xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

D. Nghiên cứu sử dụng các loài động vật, thực vật quý hiếm đẻ làm thuốc.

**Câu 4.** Cácđại lượng nàosau đây biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng?

A. Sự tăng trưởng đường kính, chiều cao và thể tích cây.

B. Sự tăng trưởng về chiều cao, số lá, và mật độ của cây rừng.

C. Sự tăng trưởng về số hoa, số quả của cây rừng.

D. Sự tăng trưởng về năng suất và sản lượng của cây rừng.

**Câu 5.** Thời vụ trồng rừng thích hợp cho miền Bắc ở nước ta là:

A. mùa thu. B. mùa hè.

C. mùa đông. D. mùa xuân và xuân hè.

**Câu 6.** So với trồng rừng bằng cây con, trồng rừng bằng gieo hạt có nhược điểm nào sau đây?

A. Khó thực hiện trên các vùng đất rộng lớn. B. Bộ rễ cây dễ bị tổn thương do tác động cơ giới.

C. Cây con mọc lên từ hạt dễ bị côn trùng tấn công. D.Chi phí gieo hạt tốn hơn so với trồng cây con.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về các phương thức khai thác rừng?

A. Khai thác trắng là tiến hành chặt từng cây hoặc đám cây thành thục.

B. Khai thác trắng là tiến hành chặt toàn bộ những cây rừng đã thành thục trên một khoảnh chặt trong một mùa chặt, thường là dưới một năm.

C. Khai thác dần là tiến hành chặt toàn bộ những cây rừng đã đến tuổi thành thục trên khoảnh chặt, quá trình chặt được tiến hành làm nhiều lần.

D. Khai thác chọn là phương thức tiến hành chặt từng cây hoặc đám cây thành thục.

**Câu 8.** Bảo vệ tài nguyên rừng cần tập trung vào một số biện pháp sau:

(1) Chủ động thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

(2) Mở rộng diện tích trồng cỏ cho chăn nuôi.

(3) Duy trì và củng cố hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên.

(4) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng.

(5) Ngăn chặn các hành vi gây suy thoái tài nguyên rừng.

***Các phát biểu đúng là:***

A. (1), (3), (4), (5). B. (2), (3), (4), (5). C. (1), (2), (3), (5). D. (1), (2), (4), (3).

**Câu 9.** Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về vai trò của thuỷ sản đối với đời sống con người?

A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.

B. Cung cấp nguyên liệu cho trồng trọt công nghệ cao.

C. Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho các nhà máy chế biến.

D**.** Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

**Câu 10.** Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, triển vọng của ngành thuỷ sản nước ta trong thời gian tới là

A. đưa nước ta trở thành một trong ba nước xuất khẩu thuỷ sản dẫn đầu thế giới.

B. tăng tỉ lệ nuôi và tăng tỉ lệ khai thác thuỷ sản.

C. đưa nước ta trở thành quốc gia khai thác thuỷ sản dẫn đầu thế giới.

D. phát triển đảm bảo lao động thuỷ sản có mức thu nhập cao nhất cả nước.

**Câu 11.** Loài nào sau đây thuộc nhóm thuỷ sản bản địa?

A. Cá chép, cá tra, ếch đồng, cá tầm. B. Cá hồi vân, cá chép, cá tra, ếch đồng.

C. Cá chép, cá rô đồng, ếch đồng, cá diếc. D.Cá chép, cá tra, cá tầm, cá nheo Mĩ.

**Câu 12.** Dựa vào phân loại thuỷ sản theo tỉnh ăn, cá trắm cỏ thuộc nhóm nào?

A. Nhóm ăn tạp. B. Nhóm ăn thực vật.

C. Nhóm ăn động vật. D.Nhóm ăn vi sinh vật.

**Câu 13.** Một trại nuôi tôm thẻ chân trắng nhận được khuyến cáo duy trì độ mặn của nước nuôi từ 15-30‰. Trong quá trình đo đạc, kết quả ghi nhận độ mặn đạt 35‰. Biện pháp nào sau đây là phù hợp để điều chỉnh độ mặn?

A. Thêm nước ngọt vào ao nuôi. B. Thêm muối vào ao nuôi.

C. Giảm mực nước trong ao nuôi. D. Thay nước hoàn toàn bằng nước biển.

**Câu 14.** Trong một ao nuôi tôm, xuất hiện tình trạng nước ao bị đục, nhiều tảo phát triển dày đặc gây thiếu oxygen vào ban đêm. Biện pháp quản lý môi trường nào sau đây là **phù hợp nhất** để khắc phục tình trạng này?

A. Thay toàn bộ nước ao nuôi bằng nước mới từ nguồn nước gần đó.

B. Sử dụng vôi hoặc hóa chất diệt toàn bộ tảo trong ao.

C. Giảm lượng thức ăn cho tôm và bổ sung vi sinh xử lý nước.

D. Tăng mật độ tôm nuôi để tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên là tảo.

**Câu 15.** Trong ao nuôi thủy sản, biện pháp xử lí thích hợp để làm giảm ô nhiễm môi trường do dư thừa thức ăn và chất thải của thủy sản là:

A. sử dụng hóa chất tăng oxygen.

B. định kì siphon kết hợp với thay nước để loại bỏ thức ăn thừa, phân thải ra khỏi hệ thống nuôi.

C. bổ sung một số hóa chất có tính acid như citric acid, phèn nhôm.

D. tăng mật độ nuôi.

**Câu 16.** Thay nước sau mỗi vụ nuôi thủy sản nhằm mục đích nào sau đây:

(1) Tăng cường độ trong của nước ao nuôi.

(2) Cung cấp hàm lượng muối, dinh dưỡng.

(3) Loại bỏ các vi sinh vật có lợi.

(4) Tăng hàm lượng oxygen hòa tan.

(5) Điều chỉnh độ pH; giảm chất độc H2S, NH3, phân hủy do thức ăn thừa.

***Các nhận định đúng là:***

A. (1), (2), (3), (4). B. (1), (3), (4), (5). C. (1), (2), (4), (5). D. (1), (2), (3), (5).

**PHẦN II. Trắc nghiệm đúng - sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (0,25 đ/ý)

**Câu 1.** Cho Bảng số liệu sau:

Bảng I. Số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp tại Vườn quốc gia Ba Bể

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hành vi vi phạm | Số vụ vi phạm | | | | | | | Tổng | |
| 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |  | |
| Khai thác lâm sản trái phép | 22 | 11 | 26 | 10 | 8 | 7 | 84 | |
| Vận chuyển lâm sản trái phép | 39 | 27 | 18 | 7 | 3 | 3 | 97 | |
| Phá rừng trồng cây nông nghiệp | 3 | 1 | 2 | 1 | - | - | 7 | |

*(Nguồn: Vườn Quốc gia Ba Bể, 2021)*

Từ Bảng 1 có một số nhận định về thực trạng bảo vệ rừng ở Vườn quốc gia Ba Bể trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 như sau:

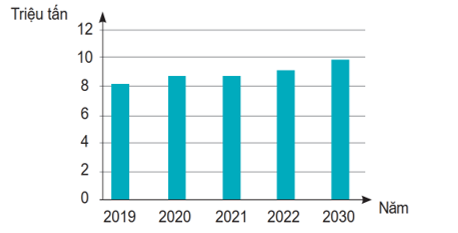
a) Công tác bảo vệ rừng đã có những chuyển biến tích cực thể hiện thông qua số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp đã giảm.

b) Không còn xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật.

c) Tình trạng phá rừng trồng cây nông nghiệp giảm đều qua các năm.

d) Số vụ khai thác lâm sản trái phép năm 2017 chiếm 30% tổng số các vụ khai thác lâm sản từ năm 2015 đến năm 2020.

**Câu 2.** Dưới đây là biểu đồ tổng sản lượng thủy sản từ năm 2019 đến năm 2022 và ước tính đến năm 2030.



*(Nguồn: Tổng cục Thủy sản (2023); Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021)*

Dựa vào biểu đồ trên, hãy cho biết nhận định nào là đúng, sai?

a) Tổng sản lượng thủy sản của Việt Nam trong năm 2019 đạt khoảng 8 triệu tấn.

b) Từ năm 2019 đến năm 2022, tổng sản lượng thủy sản của Việt Nam tăng đều đặn mỗi năm.

c) Nếu sản lượng thủy sản tăng liên tục mỗi năm như trong giai đoạn từ 2019 đến 2022, thì sản lượng năm 2030 sẽ đạt trên 10 triệu tấn.

d) Để đạt sản lượng thủy sản 9,5 triệu tấn vào năm 2030, Việt Nam cần duy trì hoặc cải thiện các biện pháp nuôi trồng thủy sản bền vững.

**Câu 3.** Một ao nuôi tôm thẻ chân trắng rộng 5 ha. Kết quả kiểm tra gần đây cho thấy:

* Độ pH của nước là 5,2.
* Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ở mức 2,8 mg/L.
* Nồng độ amoniac (NH₃) đạt 0,03 mg/L.
* Tôm có dấu hiệu kém ăn và chậm phát triển.

a) Trong môi trường nuôi thủy sản, độ pH quá thấp (dưới 6,5) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của tôm.

b) Hàm lượng oxygen hòa tan (DO) ở mức 2,8 mg/L là đủ để đảm bảo sự phát triển bình thường của tôm.

c) Bón thêm vôi để khắc phục tình trạng pH trong ao nuôi thấp.

d) Để giảm nồng độ amoniac (NH₃) trong nước, nên hạn chế sử dụng vi sinh vật có lợi trong ao nuôi.

**PHẦN III. Tự luận**

**Câu 1.** (1 điểm) Một hộ nuôi thủy sản có diện tích ao lớn, nguồn vốn hạn chế và muốn tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên trong ao để giảm chi phí. Em hãy đề xuất phương thức nuôi phù hợp nhất và giải thích lý do tại sao phương thức đó là lựa chọn tối ưu cho hộ nuôi này.

**Câu 2.** (1,25 đ) Hãy phân tích tại sao nồng độ oxygen hòa tan (DO) trong nước lại là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản? Đề xuất một biện pháp cụ thể để cải thiện nồng độ DO khi nó giảm xuống thấp hơn mức tiêu chuẩn.

**Câu 3.** (0,75 điểm) Một trại nuôi tôm gặp vấn đề với nước ao có độ pH thấp hơn tiêu chuẩn (dưới 6,5), làm tôm chậm lớn và dễ mắc bệnh. Em đề xuất một biện pháp để khắc phục tình trạng này và giải thích cơ chế hoạt động của biện pháp đó.

***--- HẾT ------***

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..